

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

1.1.1. Tên dự án:

CẢNG CONTAINER PHÙ ĐỔNG

1.1.2. Vị trí thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Gia Lâm và xã Thuận An, thành phố Hà Nội

1.1.3. Chủ dự án

(1) Nhà đầu tư thứ nhất: Công ty CP Cảng Container Quốc tế Phù Đổng

Đại diện: Ông Nguyễn Minh Sơn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Gleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04.35141199

(2) Nhà đầu tư thứ hai: Tập đoàn Gleximco - Công ty CP

Đại diện: Ông Vũ Văn Hậu Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35141199

(3) Nhà đầu tư thứ ba: Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế

Đại diện: Ông Nguyễn Thái Quang Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 140A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38273083

Theo Thảo thuận liên danh số 870/2025/TTLĐ/PĐ-GELE-ITC ngày 02/06/2025 giữa Công ty CP Cảng Container Quốc tế Phù Đổng, Tập đoàn Gleximco - Công ty CP và Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế thì Công ty CP Cảng Container Quốc tế Phù Đổng là đại diện chủ đầu tư thực hiện công việc đại diện liên danh thực hiện dự án cho đến khi thực hiện nghiệm thu đưa vào vận hành khai thác.

- Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư

đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án tại Quyết định số 5266/QĐ- UBND ngày 22/10/2025.

- Tiến độ thực hiện Dự án:

+ Chuẩn bị các thủ tục nhà đầu tư: từ năm 2025 - Quý III/2026

+ Xây dựng:

Giai đoạn 1 (diện tích khoảng 17,1 ha): Khởi công Quý IV/2026 – Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: Quý IV/2027.

Giai đoạn 2 (diện tích khoảng 16,9 ha): Khởi công Quý IV/2030 – Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: Quý I/2032.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô của dự án

- Quy mô diện tích sử dụng: khoảng 340.366 m² trong đó:

+ Đất nghiên cứu dự án Cảng container có tổng diện tích khoảng 230.381 m²: xây dựng cầu cảng, bãi chứa hàng, công trình hạ tầng, đường bãi giao thông và cây xanh.

+ Đất nằm ngoài phạm vi dự án, thuộc hành lang bảo vệ cầu Phù Đổng có diện tích khoảng 15.228 m²: Phần đất này thuộc phạm vi nghiên cứu đất giao thông (đầu nối từ tuyến đường gom với quốc lộ 1) sẽ được thực hiện theo dự án riêng và không nằm trong phạm vi báo cáo ĐTM của dự án.

+ Đất nằm ngoài phạm vi dự án, thuộc hành lang bảo vệ đê hữu Đuống có diện tích khoảng 94.757 m²: xây dựng đường giao thông, đất an ninh quốc phòng, đất cây xanh cách ly bảo vệ đê (bàn giao lại cho thành phố Hà Nội sau khi hoàn thiện đầu tư).

- Quy mô đầu tư:

+ Giai đoạn 1: Xây dựng 02 bến cho tàu sà lan chở container, 03 bến vật liệu xây dựng, hàng rời cho tàu sà lan tự hành neo cập, làm hàng, cùng hệ thống đường bãi, hậu phương đồng bộ sau cảng. Tổng diện tích khoảng 171.398 m², trong đó: đất trong hành lang bảo vệ đê Hữu Đuống khoảng 47.929 m², đất xây dựng cảng container khoảng 123.469 m².

+ Giai đoạn 2: Xây dựng 02 bến còn lại cho tàu sà lan chở container, 02 bến vật liệu xây dựng, hàng rời cho tàu sà lan tự hành neo cập, làm hàng, cùng mở rộng hệ thống đường bãi, hậu phương đồng bộ sau cảng và các công trình kiến trúc hạ tầng bổ sung: Tổng diện tích khoảng 168.968 m², trong đó: đất trong hành lang bảo vệ đê Hữu Đuống khoảng 46.828 m², đất xây dựng cảng container khoảng 106.912 m².

1.2.2. Công suất của dự án:

Công suất của dự án: 2,5 triệu tấn/năm

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Công nghệ bốc xếp hàng container: Hàng container từ tàu sà lan → Cần trục chuyên dụng mép bến → phương tiện vận tải → Cần trục giàn bánh hơi → Bãi container có hàng → Cần trục giàn bánh hơi → phương tiện vận chuyển tới nhận hàng và ngược lại

- Công đoạn bốc xếp bến nhập xi măng bao: Hàng bao xi măng từ tàu sà lan → Cần cầu trên bến (tại tuyến mép bến) → phương tiện vận tải → Cần cầu bánh hơi → Bãi tập kết hàng → Cần cầu bánh hơi → phương tiện vận chuyển tới nhận hàng và ngược lại

- Công nghệ bốc xếp bến nhập vật liệu xây dựng: Vật liệu xây dựng → Cần cầu trên bến (tại tuyến mép bến) → Phương tiện vận tải (hoặc băng tải) → Kho/Bãi hàng → Cần cầu bánh hơi → phương tiện vận chuyển đến nhận hàng và ngược lại.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Giai đoạn 1: 02 bến tàu container, 03 bến vật liệu xây dựng hàng rời, kè bảo vệ bãi (1.123,1m), san gạt bãi (9,1ha), bãi container có hàng (24.316 m²), bãi container không hàng (14.287 m²), bãi ngoài trời (40.199 m²), nhà văn phòng container (2.407 m²), hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước.

- Giai đoạn 2: 02 bến tàu container, 02 bến vật liệu xây dựng hàng rời, kè bảo vệ bãi (443,6 m), san gạt bãi (6,9 ha), bãi container có hàng (25.350 m²), bãi ngoài trời (26.470 m²), bãi sửa chữa 4.806 (m²).

b. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án:

- Giai đoạn 1: Cổng kiểm soát + bốt bảo vệ (03 cái), hàng rào (1.211 m), nhà vệ sinh công cộng (2 cái), cây xanh (trong khu đất bến cảng: 3.555 m², trong hành lang bảo vệ đê hữu sông Đuống: 12.222 m²).

- Giai đoạn 2: Cổng kiểm soát + bốt bảo vệ (02 cái), hàng rào (712 m), nhà vệ sinh công cộng (2 cái), cây xanh (trong khu đất bến cảng: 5.812 m², trong hành lang bảo vệ đê hữu sông Đuống: 25.362 m²).

c. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án:

- Giai đoạn 1: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, 03 bể tự hoại, 01 hệ thống XLNT công suất 25 m³/ngày.đêm, 02 máy phun sương xử lý bụi, 01 kho CTR sinh hoạt dạng container 20', 01 kho CTR công nghiệp thông thường dạng container 20', 01 kho CTNH dạng container 20'.

- Giai đoạn 2: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa (bổ sung trên phần diện tích thi công), hệ thống thu gom và thoát nước thải (bổ sung trên phần diện tích thi công), 01 bể tự hoại, cụm bể xử lý hóa lý của 01 hệ thống XLNT công suất 25 m³/ngày.đêm, 01 máy phun sương xử lý bụi, 01 kho CTR công nghiệp thông thường dạng container 20', 01 kho CTNH dạng container 20',

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng các hạng mục công trình phục vụ giai đoạn vận hành.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.

* Giai đoạn vận hành dự án:

- Hoạt động khai thác cảng, hoạt động của tàu thuyền, các phương tiện bốc xúc, vận tải trên bên cảng.
- Hoạt động sinh hoạt của CBCNV làm việc tại cảng.
- Hoạt động vệ sinh, sửa chữa máy móc thiết bị tại bãi sửa chữa (chỉ trong giai đoạn 2).
- Hoạt động vận hành hệ thống XLNT.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án xả nước thải sau xử lý ra sông Đuống. Sông Đuống là nguồn cấp nước mặt cho Nhà máy xử lý nước mặt sông Đuống. Do đó, sông Đuống là yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

a. Vị trí thực hiện dự án

Khu đất nghiên cứu dự án Cảng container Phù Đổng nằm về phía hạ lưu cầu Phù Đổng và trong vùng bãi sông Đuống - tương ứng khoảng K11+200 đê hữu Đuống thuộc xã Gia Lâm và xã Thuận An, Thành phố Hà Nội.

Ranh giới dự án Cảng container Phù Đổng, được giới hạn:

- Phía Bắc giới hạn đến mép nước sông Đuống.

- Phía Nam giới hạn đến hết đê hữu Đuông.
- Phía Tây giáp cầu Phù Đổng.
- Phía Đông giáp mương thủy lợi và trạm bơm Lòi.

Dự án có diện tích khoảng 340.366 m² trong đó:

- Đất nghiên cứu dự án Cảng container có tổng diện tích khoảng 230.381 m²;
- Đất nằm ngoài phạm vi dự án, thuộc hành lang bảo vệ cầu Phù Đổng có diện tích khoảng 15.228 m². Phần đất này thuộc phạm vi nghiên cứu đất giao thông (đầu nối từ tuyến đường gom với quốc lộ 1) sẽ được thực hiện theo dự án riêng và không nằm trong phạm vi báo cáo ĐTM của dự án. Trong phạm vi khu đất hiện có công trình Trạm bơm Vàng phục vụ nhu cầu tưới tiêu nông nghiệp cho khu vực. Quá trình triển khai dự án phải đảm bảo hoạt động bình thường của Trạm bơm Vàng.

- Đất nằm ngoài phạm vi dự án, thuộc hành lang bảo vệ đê hữu Đuông có diện tích khoảng 94.757 m².

b. Hiện trạng quản lý sử dụng đất trong khu vực thực hiện dự án

Dự án có diện tích khoảng 340.366 m² với hiện trạng sử dụng đất được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1. 1. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất tại dự án

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất nông nghiệp		264.655	77,76
1	Đất trồng chuối	C	181.632	53,37
2	Đất trồng tre	T	29.108	8,55
3	Đất trồng ngô	N	18.570	5,46
4	Đất trồng cây ăn quả	AQ	35.345	10,39
II	Đất HTKT (trạm bơm)	TB	4.374	1,29
III	Mặt nước		32.943	9,68
1	Ao	AO	4.270	1,25
2	Mặt sông	SO	28.019	8,23
3	Mương đất	MD	654	0,19
IV	Đất an ninh quốc phòng	LC	100	0,03
V	Giao thông		33.628	9,87
1	Đường đất	DD	1.701	0,49
2	Đường đê	E	20.274	5,96
3	Đường bê tông	BT	11.653	3,42

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
VI	Đất khác		4.666	1,37
1	Đất kè	K	1.486	0,44
2	Đất trống	TR	3.180	0,93
	Tổng		340.336	100,00

Nhìn chung, khu vực thực hiện dự án phần lớn là đất bãi sông, có chức năng là đất nông nghiệp thuộc địa giới hành chính xã Gia Lâm và xã Thuận An thành phố Hà Nội, hiện giao cho các hộ dân canh tác trồng cây hàng năm, một số khu vực có các ô đất trống nằm xen kẽ.

Dự án có tổng diện tích khoảng 340.366 m², trong đó khoảng 264.655 m² đất nông nghiệp chủ yếu trồng chuối, tre, ngô,... Nhìn chung, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại khu vực dự án có hiệu quả kinh tế thấp, năng suất cây trồng thấp. Ngoài phần diện tích đất nông nghiệp, phần diện tích còn lại gồm: 75.711 m² gồm: đất trạm bơm, đất mặt nước, an ninh quốc phòng, đất giao thông, đất kè và đất trống.

Trong phạm vi dự án có một phần lớn là đất nằm trong hành lang bảo vệ đê, hành lang bảo vệ cầu Phù Đổng. Do đó, khi xây dựng dự án cần đảm bảo khoảng cách bảo vệ các hành lang trên.

** Hiện trạng kiến trúc - cảnh quan các khu vực lân cận:*

Khu vực dự án không có dân cư sinh sống. Hiện có một số công trình nhà tạm phục vụ trồng trọt và sản xuất nông nghiệp, công trình HTKT khu vực (trạm bơm Vàng) có chức năng phục vụ tưới canh tác nông nghiệp cho dân cư khu vực; ngoài ra không có công trình khác.

** Hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật:*

Trong phạm vi dự án không có công trình kiến trúc, có trạm bơm Vàng nằm ở phía Tây của khu đất vẫn tiếp tục sử dụng.

- Hiện trạng giao thông:

- Đường bộ:

+ Phía Đông khu đất có tuyến đường Ý Lan có bề rộng mặt cắt ngang 6m.

+ Phía Tây giáp cầu Phù Đổng (đường vành đai 3), theo định hướng quy hoạch là tuyến đường liên khu vực, có bề rộng mặt cắt ngang từ 95m - 100m.

+ Phía Nam giáp tuyến đường đê sông Đuống, tuyến đê cấp I theo quy định đê điều. Hiện tại tuyến đê có mặt cắt ngang lòng đường 6m-7m.

+ Phía Nam có tuyến đường Cổ Bi, kết nối với tuyến đường quốc lộ 5 đã được xây dựng bề rộng mặt cắt ngang 22m.

+ Hiện trạng giao thông trong khu đất: trong khu đất hiện có một số đường mòn dân sinh (đường đất) chạy từ đê ra sông và chạy ven sông, giáp sông Đuống có đường bê tông rộng 2,0m đến 3,0m.

- Đường thủy:

+ Sông Đuống thuộc hành lang tuyến vận tải thủy Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì, cỡ tàu lớn nhất 800 tấn, lưu lượng vận tải bình quân (15 - 18) triệu tấn/năm.

- Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước:

+ Về cao độ nền: Khu vực dự án có địa hình khá bằng phẳng, có hướng dốc từ đê ra sông Đuống. Cao độ cụ thể như sau: Cốt nền đê khoảng 11,5 đến 13,5m; Cốt nền khu vực nghiên cứu 8,5 đến 9,5m

+ Hệ thống tiêu thoát nước: Trong khu đất có một số tuyến mương đất phục vụ cho tưới, tiêu nông nghiệp. Hệ thống thoát nước chủ yếu là nước mặt, hướng dốc tự chảy từ đê ra sông Đuống. Nước mưa chủ yếu chảy tràn mặt đất theo độ dốc tự nhiên và theo hệ thống mương đất ra sông Đuống.

+ Trong khu vực quy hoạch có 1 trạm bơm tưới Vàng có công suất: 1x1000 m³/ngđ. Khi quy hoạch xây dựng cảng kiến nghị vẫn giữ trạm bơm tưới trên để phục vụ nhu cầu tưới nông nghiệp cho dân cư.

+ Hiện tại khu vực chưa có hệ thống thoát nước thải của thành phố chạy qua.

- Hiện trạng cấp nước: Trong phạm vi dự án chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố chạy qua.

- Hiện trạng cấp điện: Trong khu đất hiện chưa có mạng lưới cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt. Tuy nhiên, phía Tây khu đất có tuyến điện 35 KV cấp cho trạm bơm Vàng.

** Nhận xét chung:*

Khu vực dự án có vị trí gần với trung tâm Hà Nội, kết nối dễ dàng với các khu vực xung quanh. Khu vực thuận lợi trong giải phóng mặt bằng, có vị trí phù hợp để hình thành cảng container hiện đại.

c. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

- Sông Đuống: Dự án tiếp giáp với sông Đuống

- Các đối tượng khác: Tại khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án trong khoảng bán kính 1km không có các đối tượng như khu rừng bảo hộ, khu rừng sinh quyển hoặc các khu vực bảo tồn thiên nhiên quốc gia,....

- Khu dân cư: Dự án cách khu dân cư gần nhất khoảng 300 m. Thực tế, dự án không xây dựng các hạng mục công trình tại vùng hành lang an toàn đê hữu sông

Đuồng nên khu vực thi công dự án nằm cách xa khu dân cư.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Nước thải, khí thải

1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân với lưu lượng lớn nhất khoảng 14,5 m³/ngày. đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm: Tổng N, Tổng P, BOD5, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước thải thi công: phát sinh chủ yếu từ quá trình rửa xe và rửa thiết bị, dụng cụ thi công. Giai đoạn 1 là 7,6 m³/ngày; giai đoạn 2 là 6,7 m³/ngày. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ, chất rắn lơ lửng,...

b. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của CBCNV với lưu lượng phát sinh trong giai đoạn 1 là 5,55 m³/ngày.đêm, giai đoạn 2 là 11,5 m³/ngày. đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm: Tổng N, Tổng P, BOD5, TSS, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị: Chỉ phát sinh trong giai đoạn 2 với lưu lượng khoảng 8,4 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: dầu mỡ, chất rắn lơ lửng,...

2. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc thi công và thi công các hạng mục công trình,... phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂,...

b. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của tàu ra vào cảng, hoạt động của các máy móc thiết bị trên cảng (phương tiện bốc xúc, vận tải) phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là các khí CO_x, NO_x, SO₂,...

- Hoạt động bốc xúc hàng hóa: Phát sinh bụi

3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

*** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt**

a. Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường với khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, bao bì, vỏ

chai lọ, hộp đựng thức ăn, túi nilon,...

b. Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của CBCNV tại cảng khối lượng phát sinh trong giai đoạn 1 khoảng 75 kg/ngày, giai đoạn 2 là 155 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: thức ăn thừa, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, túi nilon,...

** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường*

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sinh khối thực vật phát quang: chủ yếu là lá, rễ, thân cây còn sót lại dễ phân hủy, nếu không thu gom, xử lý sẽ gây mất mỹ quan, phát sinh mùi hôi và nguy cơ cháy do cỏ khô; tác động sinh thái nhỏ, có thể phục hồi,...

- Bùn hữu cơ bóc tách bề mặt với khối lượng phát sinh trong giai đoạn 1 là 37.040,7 m³, giai đoạn 2 là 32.073,6 m³. Ngoài ra, dự án còn phát sinh bùn từ hoạt động nạo vét lòng sông để thi công kè bảo vệ bãi.

- CTR xây dựng: Thành phần là nguyên vật liệu không đạt chuẩn, nguyên vật liệu rơi vãi từ quá trình thi công, đầu thừa sắt thép, bao bì vật liệu xây dựng,... với khối lượng phát sinh trong giai đoạn 1 là 400 tấn, giai đoạn 2 là 320 tấn.

b. Giai đoạn vận hành

- Giai đoạn vận hành phát sinh CTR công nghiệp thông thường chủ yếu là vật liệu rơi vãi, vật liệu thừa trong quá trình hoạt động và làm hàng gồm các loại giấy báo, thùng carton,... Ước tính giai đoạn 1 khoảng 1,58 tấn/ngày, giai đoạn 2 khoảng 2,71 tấn/ngày.

** Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải nguy hại (giẻ lau, găng tay dính dầu, vải lọc dầu; bóng đèn huỳnh quang thải...) phát sinh trong giai đoạn 1 khoảng 569,36 kg, giai đoạn 2 khoảng 540,39 kg.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại (giẻ lau, găng tay dính dầu, vải lọc dầu; bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng hóa chất, bùn hóa lý từ hệ thống XLNT (chỉ phát sinh trong giai đoạn 2) phát sinh trong giai đoạn 1 khoảng 495 kg/năm, giai đoạn 2 khoảng 4.814 kg/năm.

4. Tiếng ồn và độ rung

a. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Hoạt động của phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công phát sinh tiếng ồn và độ rung.

b. Giai đoạn vận hành:

Hoạt động của tàu chở hàng, hoạt động của máy móc, thiết bị trên cảng phát sinh tiếng ồn và độ rung.

2.3. Biện pháp bảo vệ tác động xấu đến môi trường.

2.3.1. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

2.3.1.1. Các công trình và biện pháp thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải, khí thải

1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành của Dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các Văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt các nhà vệ sinh di động cho công nhân sử dụng. Chủ dự án đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ các nhà vệ sinh theo quy định và tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Nước thải thi công: Được thu gom về xử lý tại hố lắng có thể tích 18 m³, gồm 2 ngăn được bố trí cạnh cầu rửa xe Nước thải sai xử lý được tái sử dụng cho hoạt động rửa xe và không xả thải ra môi trường.

b. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom xử lý tại hệ thống XLNT công suất 25 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A và QCVN 40:2025/BTNMT, cột A và thoát ra sông Đuống.

- Nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị: Được thu gom xử lý tại hệ thống XLNT công suất 25 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A và QCVN 40:2025/BTNMT, cột A và thoát ra sông Đuống.

Công nghệ của hệ thống XLNT:

- Giai đoạn 1: Nước thải → Bể gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu

khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A xả ra môi trường tiếp nhận.

Giai đoạn 2: Nước thải → Bể gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà → Cụm xử lý hoá lý (bể keo tụ, bể tạo bông, bể lắng hóa lý, bể trung gian 1) → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A và QCVN 40:2011/BTNMT, cột A xả ra môi trường tiếp nhận.

2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh từ Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Lập hàng rào bằng tôn cao 2,5m xung quanh khu vực công trường thi công;
- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; khuyến khích nhà thầu thi công sử dụng các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường
- Che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...;
- Phun nước giảm bụi khu vực thi công và đường tiếp cận với tần suất 2 lần/ngày; thu gom chất thải rơi vãi trên công trường với tần suất 1 lần/ngày;
- Rửa bánh xe vận chuyên trước khi ra khỏi công trường.

b. Giai đoạn thi công xây dựng

- Lắp đặt 03 máy phun sương giảm bụi từ hoạt bốc xếp hàng hóa (giai đoạn 1 đầu tư 02 máy, giai đoạn 2 đầu tư 01 máy)
- Bố trí 2 xe bồn 5 m³ để tưới nước dập bụi trong phạm vi dự án.

2.3.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

** Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt*

Thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyên và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và khoản 6 Điều 77 Luật Bảo vệ

môi trường năm 2020; Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bố trí các thùng để thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt theo quy định trên công trường. Chủ dự án yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất thu gom 1 ngày/lần.

b. Giai đoạn vận hành

- Được thu gom và lưu giữ tại 01 kho CTR sinh hoạt dạng container 20'. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

** Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường*

Thực hiện thu gom, lưu giữ và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định tại Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Điều 24, 25, 33, 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Sinh khối thực vật phát quang: Được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bùn hữu cơ từ hoạt động bóc tách bề mặt: Được tận dụng để trồng cây xanh, phần còn thừa được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- CTR xây dựng: Được lưu giữ tạm tại khu tập kết chất thải tạm thời diện tích 200 m², được bố trí cạnh bãi nguyên vật liệu. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành

- CTR công nghiệp thông thường được lưu chứa tại 02 kho dạng container 20' (giai đoạn 1 đầu tư 01 kho, giai đoạn 2 đầu tư 01 kho). Hợp đồng với đơn vị có chức

năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Giai đoạn 1: Dự án bố trí kho lưu chứa CTNH tạm thời dạng thùng container trên công trường thi công, diện tích kho chứa 10 m²

- Giai đoạn 2: Dự án sử dụng kho CTNH đã có sẵn dạng container loại 20' để lưu chứa CTNH phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng,

- Hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b. Giai đoạn vận hành

- CTNH được lưu chứa tại 02 kho dạng container 20' (giai đoạn 1 đầu tư 01 kho, giai đoạn 2 đầu tư 01 kho), ngoại trừ bùn hóa lý từ hệ thống XLNT được lưu giữ tại bể chứa bùn hóa lý của hệ thống XLNT. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3.2. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung.

Thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và quá trình thi công xây dựng đáp ứng các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Điều tiết hợp lý phương tiện vận chuyển và thiết bị thi công trên công trường. Hạn chế hoạt động đồng thời của các thiết bị có độ ồn cao.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, phương tiện vận chuyển tại các gara trong khu vực, đồng thời không sử dụng các loại xe, máy móc không đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường.

- Kiểm tra mức độ ồn khu vực thi công để bố trí lịch thi công cho phù hợp và

đạt mức độ ồn cho phép.

- Đối với các thiết bị gây ồn sẽ được thiết kế giảm độ ồn cho máy khi vận hành.
Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị, thay thế các linh kiện xuống cấp.

- Đối với máy có độ rung cao trang bị các bộ phận giảm rung.

- Trang bị dụng cụ chống ồn cho các công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao như sử dụng chụp tai chống ồn và nút tai chống ồn.

- Trang bị đầy đủ và nghiêm túc thực hiện đối với bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân trên công trường.

b. Giai đoạn vận hành

- Máy móc thiết bị phải được kiểm tra, bảo dưỡng theo định kỳ để bảo đảm tình trạng làm việc tốt nhất.

- Hạn chế sử dụng các thiết bị có độ ồn cao trong các giờ nghỉ ngơi của cộng đồng dân cư (buổi tối)

- Không sử dụng đồng thời các thiết bị, phương tiện có độ ồn cao, tránh bị cộng hưởng do tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho các công nhân vận hành máy và làm việc trực tiếp tại cảng.

- Các xe, container chuyên chở hàng hóa chỉ được duy trì dưới vận tốc cho phép đặc biệt khi đi qua khu dân cư để hạn chế tiếng ồn

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Tuân thủ các quy định kỹ thuật quan trắc và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí trong phạm vi thi công xây dựng công trình

+ 01 mẫu tại cổng ra vào dự án

+ 01 mẫu tại khu vực bến cảng

+ 01 mẫu tại trung tâm dự án

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, CO, NO₂, SO₂, bụi lơ lửng, độ ồn

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát nước thải thi công xây dựng

Sau khi kết thúc thi công sẽ tiến hành thuê đơn vị hút bùn tại hố lắng xử lý nước thải thi công, xây dựng, sau đó xả lượng nước còn lại ra môi trường. Trước khi xả sẽ tiến hành giám sát nước thải thi công, xây dựng.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau xử lý tại hố lắng.

- Tần suất: 01 lần khi tiến hành hoàn trả mặt bằng.

- Thông số giám sát: pH, COD, TSS, NH₄⁺, Dầu mỡ, Tổng N, Tổng P, Pb, As, Tổng Coliform

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A)

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại công trường thi công.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.4.2. Giai đoạn vận hành dự án

a. Giám sát nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải lớn nhất phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án khoảng 23,88 m³/ngày đêm (giai đoạn 2), công suất của hệ thống xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày đêm, do vậy không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

b. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý

theo đúng quy định.

c. Giám sát khác

- Giám sát thường xuyên hiện tượng sạt lở kè.
- Giám sát công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu:

Thực hiện thường xuyên, báo cáo định kỳ gửi cơ quan có thẩm quyền.

2.5. Các nội dung khác: Không

3. Cam kết của Chủ dự án

- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật các thông tin, số liệu và kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường được nêu trong báo cáo này.
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong chương 5.
- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.
- Thực hiện các biện pháp, các quy định vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, bảo vệ các công trình giao thông.
- Cam kết xây dựng vận hành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định hiện hành.
- Cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, tài liệu và kết quả tính toán, đảm bảo tính chính xác, trung thực của hồ sơ báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.
- Cam kết đảm bảo sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư, phù hợp với các quy hoạch có liên quan; hoàn toàn chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư các hạng mục công trình của dự án nếu có thay đổi, điều chỉnh so với chủ trương đầu tư và các quy hoạch liên quan đến dự án; báo cáo cơ quan chức năng có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định đối với các nội dung điều chỉnh, thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt (nếu có).
- Cam kết thiết kế, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành;
- Cam kết phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định; tuân thủ quy định Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Cam kết thiết lập hệ thống biển báo, cắm mốc giới khu vực thi công và công khai

rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của dự án trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng; thông báo các phương tiện sử dụng để vận chuyển đất, nguyên vật liệu thi công đến chính quyền địa phương và đơn vị chức năng có thẩm quyền quản lý các tuyến đường liên quan trong quá trình vận chuyển để kiểm tra, giám sát.

- Cam kết tập kết nguyên vật liệu và thi công san nền đúng ranh giới, đảm bảo không để trượt sạt, bồi lấp đất, nguyên vật liệu xuống hệ thống thoát nước khu vực và biển Đông.

- Cam kết thi công xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng thiết kế, cam kết xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A và QCVN 40:2025/BTNMT, cột A trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra theo quy định; bố trí vị trí cửa xả nước thải có biển báo rõ ràng, có lối đi thuận tiện, dễ tiếp cận, dễ quan sát, dễ giám sát phục vụ công tác kiểm tra, lấy mẫu đột xuất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền được dễ dàng, thuận lợi. Lập hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, cấp phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, trật tự xã hội, an toàn giao thông trong quá trình thi công xây dựng dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm và khắc phục ngay các sự cố và đền bù, hỗ trợ các công trình bị ảnh hưởng theo quy định; thường xuyên trao đổi, tham vấn, tiếp thu ý kiến phản ánh của nhân dân khu vực đối với các tác động ảnh hưởng từ các hoạt động của dự án để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện.

- Cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo duy trì việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện dự án; xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Cam kết thực hiện công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định trên cổng thông tin của Chủ dự án hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại khoản 5 Điều 37 và Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận

hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP;



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Anh Trí